

“*Nguon*” in Binh Dinh province in the nineteenth century

Nguyen Cong Thanh*

Faculty of Social and Humanities, Quy Nhon University, Vietnam

Received: 29/12/2021; Accepted: 09/03/2022

ABSTRACT

“*Nguon*” held a very important position in the medieval history of Vietnam; however, it has not been studied thoroughly so far, so several issues related to “*Nguon*” have not been clarified. In this article, the author studies “*Nguon*” as a “special administrative unit” established in Binh Dinh province in the 20th century. Based on historical sources of the Nguyen Dynasty and results from fieldwork, the article employs historical, logical, analytical, proof and synthesis methods to clarify the research problem. The article founds the basis for the establishment, number, name, and official location of “*Nguon*” in Binh Dinh, feudal dynasty built and implemented the function of “*Nguon*” in Binh Dinh, and draws characteristics and role of “*Nguon*” in Binh Dinh in this historical period. Through that, it contributes to clarify the function of “*Nguon*” in Vietnam in the 20th century.

Keywords: “*Nguon*”, Binh Dinh province, XIX century.

*Corresponding author.

Email: nguyencongtanh@qnu.edu.vn

Nguồn ở tỉnh Bình Định thế kỷ XIX

Nguyễn Công Thành*

Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày nhận bài: 29/12/2021; Ngày nhận đăng: 09/03/2022

TÓM TẮT

Trong lịch sử trung đại Việt Nam, nguồn giữ một vị trí rất quan trọng. Tuy vậy, cho đến nay nguồn chưa được nghiên cứu sâu, nhiều vấn đề về nguồn chưa được làm sáng tỏ. Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu nguồn với tư cách là một “đơn vị hành chính đặc biệt” được thiết lập ở tỉnh Bình Định thế kỷ XIX. Dựa trên các nguồn sử liệu triều Nguyễn và kết quả điền dã thực địa, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử, logic, phân tích, chứng minh, tổng hợp... để làm rõ vấn đề nghiên cứu. Nội dung của bài viết làm rõ cơ sở của việc thiết lập, số lượng, tên gọi, vị trí thủ sở của các nguồn ở Bình Định; vương triều phong kiến xây dựng và thực hiện chức năng của nguồn ở Bình Định; rút ra đặc điểm, vai trò của nguồn ở Bình Định trong giai đoạn lịch sử này. Thông qua đó góp phần làm rõ chức năng của nguồn ở Việt Nam thế kỷ XIX.

Từ khóa: Nguồn, tỉnh Bình Định, thế kỷ XIX.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn là một “đơn vị hành chính đặc biệt” của vương triều Nguyễn, đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau như chức năng hành chính, chức năng kinh tế, chức năng quân sự; nguồn được các vương triều phong kiến Việt Nam thiết lập chủ yếu ở vùng núi các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hòa từ thế kỷ XVI - XIX.¹ Cho đến nay, nguồn bắt đầu nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu, nhưng kết quả mới dừng lại ở những nét phác họa bước đầu. Andrew Hardy nghiên cứu nguồn dưới góc độ là một “mô hình kinh tế”, theo đó nguồn không chỉ là “một vị trí hợp chợ quan trọng trong mô hình kinh tế Champa”, mà còn là điểm quan trọng, nơi “mô hình kinh tế hậu Champa” và “mô hình Việt Nam đang nổi lên” gặp nhau trong giai đoạn Đàng Trong”. Chức năng kinh tế của nguồn là “nền tảng cho các chức năng khác”.² Đỗ Bang cho rằng: “Nguồn là đơn vị hành chính” ở vùng núi Miền Trung dưới

triều Nguyễn,³ nhưng chưa đi sâu phân tích. Các sách thông sử Việt Nam,⁴ lịch sử địa phương tỉnh Bình Định vẫn chưa đưa nguồn vào danh mục đơn vị hành chính trong hệ thống hành chính địa phương thế kỷ XVI - XIX... Vì vậy, nhiều vấn đề về nguồn cần tiếp tục được nghiên cứu.

Nguồn ở Bình Định trước đây còn được lưu lại khá đậm nét ở đại từ nhân xưng ngôi thứ 3- “Nậu Nguồn”. Tuy nhiên do ghi chép thiếu sót hoặc không đồng nhất giữa các nguồn sử liệu, dẫn đến những nhận thức về nguồn ở Bình Định còn hạn chế. Ví như, theo Lê Quang Định thế kỷ XIX, Bình Định có 8 nguồn,⁴ sách “Đại Nam nhất thống chí” (bản Tự Đức) chép

¹ Xem thêm: Trần Thị Vinh (CB), *Lịch sử Việt Nam*, tập 4: từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2013; Trương Thị Yến (CB), *Lịch sử Việt Nam*, tập 5: từ năm 1802 đến năm 1858, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2013; Phan Huy Lê (CB), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, năm 2012...

*Tác giả liên hệ chính:

Email: Nguyencongthanh@qnu.edu.vn

<https://doi.org/10.52111/qnjs.2022.16203>

34 | Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Quy Nhơn, 2022, 16(2), 33-44

7 nguồn,⁵ sách “Đồng Khánh địa dư chí” cũng chép 7 nguồn⁶ nhưng tên nguồn không giống với “Đại Nam nhất thống chí”, “Đại Nam nhất thống chí” (bản Duy Tân) chép 6 nguồn⁷... Hoặc về tên gọi nguồn Cầu Bông (tức nguồn Phương Kiệu), sách “Đại Nam thực lục” có chỗ chép là nguồn “Phương Kiệu”, nhưng có chỗ lại chép là “Phương Kiện”, “Cầu Bông”, “Kiệu Bông”;^{8,9} trong khi đó sách “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” chép là Kiệu Hoa, Phương Kiệu¹⁰...

Nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX còn là biểu hiện đậm nét chính sách của chính quyền phong kiến với đồng bào dân tộc thiểu số vùng núi Bình Định. Vì vậy nghiên cứu về nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX không chỉ có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu lịch sử địa phương Bình Định và nghiên cứu nguồn ở Việt Nam, mà còn tạo cơ sở để rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Thời gian hình thành, cơ sở của việc thiết lập, số lượng, tên gọi, vị trí thủ sở của các nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX

Năm 1799, quân Nguyễn Ánh tạm chiếm được phủ Quy Nhơn, bắt đầu thay đổi các đơn vị hành chính và tổ chức cai quản, cho đổi phủ Quy Nhơn thành dinh Bình Định.⁸ Năm 1802, sau khi hoàn toàn làm chủ vùng đất Bình Định, tổ chức bộ máy ở dinh Bình Định được thiết lập và hoàn thiện. Năm 1808,^b vua Gia Long xuống chiếu đổi dinh Bình Định thành trấn Bình Định.⁸ Năm 1832, trấn Bình Định được đổi thành tỉnh Bình Định. Nguồn ở Bình Định không phải đến triều Nguyễn (thế kỷ XIX) mới được thiết lập, mà có từ thời vua Lê Thánh Tông, theo Lê Quý Đôn: năm Canh Tuất (1490), Lê Thánh Tông đã cho thiết lập các đơn vị hành chính cả nước, trong đó có 30 nguồn, ở phủ Hoài Nhơn (năm 1602 đổi làm phủ Quy Nhơn,⁵ sau là dinh Bình Định) các nguồn Trà Đình, Ô Kim, Cầu Bông được thiết lập

và liệt kê trong sách “*Thiên Nam dư hạ tập*”.¹¹ Sau khi tiếp quản vùng đất phủ Hoài Nhơn (năm 1570) các chúa Nguyễn đã duy trì và thiết lập các nguồn ở vùng núi, nguồn Hà Nghiêu, Trà Đình, Trà Vân, Ô Kim, Cầu Bông, Đá Bàn đều phải nộp thuế cho chính quyền chúa Nguyễn.¹¹ Sử cũ không cho biết về nguồn ở phủ Quy Nhơn dưới thời kỳ Tây Sơn, có khả năng nguồn vẫn được nghĩa quân Tây Sơn và chính quyền Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc duy trì.

Bình Định là tỉnh lớn ở khu vực miền Trung, diện tích rừng núi chiếm đa số, nhiều sông suối. Vùng núi Bình Định là nơi cư trú lâu đời của các dân tộc H'rê, Ba-na, Chăm Hroi. Mặt khác thế kỷ XIX, địa giới của tỉnh Bình Định bao gồm vùng Tây Sơn Thượng Đạo,^c lúc bấy giờ vùng núi Bình Định có nguồn lâm thổ sản phong phú như trầm hương, kỳ nam hương, các loại gỗ, sừng tê giác, ngà voi, lộc nhung (sừng nai), hổ tiêu, trà viên, trái ươi, sa nhân, mật ong, sáp ong, măng trúc, trầu cau, vàng...

Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa đồng bằng, trung du với vùng núi Bình Định và Bắc Tây Nguyên được hình thành khá sớm. Dưới thời kỳ Vijaya (XI - XV), quan hệ trao đổi này được tăng cường, thương cảng Vijaya (thương cảng Thị Nại) trở thành thương cảng quốc tế của Champa, nó đã xác lập mối quan hệ giao thương với khu vực cao nguyên phía Tây. Thế kỷ XVI - XVIII, nền kinh tế phủ Hoài Nhơn (sau là phủ Quy Nhơn) phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, thương cảng Nước Mặn là trung tâm thương nghiệp điển hình ở Đàng Trong. Thế kỷ XIX, thương nghiệp Bình Định tiếp tục phát triển, ở vùng trung du và đồng bằng mạng lưới chợ, các thị tứ, thương cảng hình thành, trong đó điển hình là đô thị Quy Nhơn. Thống kê từ “*Đại Nam nhất thống chí*” cho thấy, dưới thời kỳ vua Tự Đức, Bình Định có 60 chợ, đứng thứ 2 cả nước sau phủ Thừa Thiên (61 chợ).^{5, 12} Do chính sách của triều Nguyễn, các nước phương

^b Theo “*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*” năm 1806 dinh Bình Định đổi thành trấn Bình Định.

^c Có nhiều quan điểm về địa danh Tây Sơn Thượng Đạo. Trong bài viết này “Tây Sơn Thượng Đạo” là vùng đất An Khê cũ, nay thuộc địa giới hành chính thị xã An Khê, các huyện KBang, Đak Pơ, Krong Chro, tỉnh Gia Lai.

thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai), nằm ở thượng nguồn sông Ba, một nhánh sông chính của sông Đà Rằng (tỉnh Phú Yên). Có thời kỳ thủ sở chuyển về thôn Thượng Giang, tổng Thời Hòa (nay thuộc xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), cách sông Tam Huyện (nay gọi là sông Côn) không xa. Từ năm 1888, khi huyện Bình Khê được thành lập, thủ sở nguồn Phương Kiệu thuộc thôn An Khê, tổng An Khê, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định.

Nguồn Đồng Hươu (còn gọi là Lộc Động, một số sách viết Đồng Heo, Đồng Trí, Trùm Hươu, Nước Xanh Vực Duệ...), nằm phía Tây của huyện lỵ Tuy Viễn, thủ sở đặt ở thôn Phú Phong, tổng Thời Hòa (sau đổi thành tổng Phú Phong, nay thuộc thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn), nằm ở đầu nguồn sông Đồng Hươu (hay sông Phú Phong, Đá Hàng...), là một chi của sông Tam Huyện.

Nguồn An Tượng, nằm về phía Tây Nam của huyện lỵ Tuy Viễn, là chỗ phát nguyên của sông An Tượng, một chi của sông Tân An (sông Tân An là một phụ lưu của sông Tam Huyện), thủ sở địa phận thôn Thọ Lộc, tổng Thời Đôn (sau đổi thành tổng Nhơn Nghĩa, nay là thôn Thọ Lộc, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn).

Nguồn Hà Thanh (có sách viết Hà Kiêu, Hà Nghiêu, Hà Náo, Hà Thiêu, Hà Nha, Đất Cây...), nằm ở phía Tây Nam huyện lỵ Tuy Phước^g (trước năm 1832 thuộc huyện Tuy Viễn), thủ sở ở địa phận hai thôn Quang Thuận và Canh Vân, tổng Tuy Hà (sau đổi thành tổng Dương An, nay thuộc thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh), nằm ở đầu nguồn sông Vân Sơn (nay gọi là sông Hà Thanh).

Xét về số lượng nguồn: Với 8 nguồn, Bình Định là địa phương có nhiều nguồn nhất ở khu vực miền Trung. Thống kê từ “*Đại Nam nhất thống chí*”, ở thế kỷ XIX Quảng Nam có 6 nguồn, Phủ Thừa Thiên 5 nguồn, Quảng Bình và

Quảng Ngãi đều 4 nguồn; Khánh Hòa 3 nguồn, Phú Yên 2 nguồn.^{5, 12}

Xét về vị trí của thủ sở nguồn: Thứ nhất, thủ sở của các nguồn ở Bình Định đều đặt ở các thôn của người Kinh, giáp với các sách của người Thượng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền phong kiến trong việc bảo vệ, quản lý thủ sở nguồn. Thứ hai, thủ sở các nguồn đều nằm ở đầu nguồn các con sông suối. Theo Andrew Hardy nguồn “trước hết là một cái chợ, nối bằng đường sông xuống đồng bằng và bằng đường mòn lên miền núi”,² theo cách hiểu này, cho thấy giao thông đường thủy rất quan trọng đối với các nguồn. Nhìn về tổng thể giao thông đường thủy ít có vai trò quan trọng đối với hoạt động của thủ sở nguồn ở Bình Định. Bởi thượng lưu các sông ở Bình Định thường nhiều đá, nước chảy xiết, không thuận lợi cho thuyền bè đi lại, mặt khác các bến sông thường cách thủ sở nguồn khá xa, vì vậy loại hình giao thông đường thủy chỉ có vai trò quan trọng ở khu vực hạ lưu. Ngoại trừ nguồn Trà Bình có thủ sở bến Đốc Chính, bến Trường Tân, hoặc nguồn Phương Kiệu có thời kỳ thủ sở chuyển về thôn Thượng Giang gần với bến thuộc sông Tam Huyện ít nhiều thuận lợi cho hoạt động của giao thông đường thủy. Vì vậy, hoạt động thủ sở nguồn ở Bình Định chủ yếu dựa trên giao thông đường bộ.

Về chức năng, số lượng của thủ sở nguồn ở Bình Định: Thủ sở là “trung tâm đầu não” của nguồn, nơi đặt cơ quan hành chính của nguồn, nơi làm việc của các viên quan và là đồn binh quan trọng nhất. Thông thường thủ sở cũng là nơi đặt trường giao dịch, sở tuần ty. Cũng giống với nguồn ở các địa phương khác, tùy vào từng thời kỳ và nhu cầu quản lý của từng nguồn, một số nguồn của Bình Định bên cạnh thủ sở chính, còn có các thủ sở phụ. Ví như theo “*Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*”, đầu thế kỷ XIX, nguồn Ô Kim có 3 thủ sở Côn Dựng, Đình Chí, Nước Sâu;^h nguồn Trà Đình (Trà Bình) có thủ sở Đồng Duệ (còn gọi là Trường Tân), Chính Thuế (còn

^g Địa giới của huyện Tuy Phước ở thế kỷ XIX bao gồm địa giới huyện Tuy Phước, huyện Vân Canh, thành phố Quy Nhơn ngày nay.

^h Sách “*Đại Nam nhất thống chí*” chép là 3 sở: Đình Chính, Thượng Lý, Ô Kim.

gọi Chính Tân, Đốc Chính, Chí Chinh), Mộc Đốc (còn gọi là Thờ Đốc, Chí Đốc), nguồn Trà Vân có thủ sở Lão Thuộc, Nước Khao⁴...

2.2. Vương triều phong kiến xây dựng và thực hiện chức năng của nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX

- Bộ máy hành chính và thực hiện chức năng hành chính của nguồn:

Nguồn ở Bình Định được tổ chức thành đơn vị hành chính trung gian, nhưng đơn giản, khác với thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVI - XVIII) đứng đầu nguồn là cai quan¹¹ (cũng gọi là cai nguyên, cai man), thời Nguyễn (thế kỷ XIX) gọi là thủ ngự (còn gọi là nguyên thủ, tẩn thủ, phòng thủ úy) và một số chức quan giúp việc như thủ hợp, hiệp thủ, thừa biện, cai hiệp, cai thu, giảng quan, cai thuộc, ký thuộc, biện lại, tuần ty... Số lượng, tên gọi các chức quan thay đổi theo từng thời kỳ và tùy thuộc vào nhu cầu của từng nguồn. Tên gọi các chức quan của nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX được phản ánh qua nhiều nguồn sử liệu: Sách “Đại Nam thực lục” cho biết, năm 1802, Gia Long cử Phạm Văn Nhân làm thủ ngự nguồn Thạch Bàn, năm 1803 lấy Phạm Công Nhuận làm thủ ngự nguồn Trà Bình, Nguyễn Văn Kim làm thủ ngự nguồn Ô Liêm⁸... Từ năm 1832, nguồn Phương Kiệu được xếp hạng “nguồn nhiều việc”, do vậy bỏ chức hiệp thủ ở đây, bổ đặt “bát cửu phẩm thư lại” thay thế, chi lương theo phẩm hàm, các nguồn còn lại là “nguồn ít việc” thì do quan địa phương lựa chọn lý trưởng sở tại, hay người mẫn cán trong làng, do tỉnh cấp cho văn bằng, lệ thuộc viên thủ ngự làm việc.¹⁴ Theo “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ”, dưới triều Nguyễn nguồn Phương Kiệu, sở Trường Tân (thuộc nguồn Trà Bình), nguồn Điều Liêm (tức Ô Kim) đặt chức phòng thủ úy đều 1 người; sở Thờ Đốc (còn gọi là Chí Đốc, nguồn Trà Vân), sở Chính Tân (nguồn Trà Bình), 2 sở Thạch Bàn và Hà Vị (nguồn Thạch Bàn), nguồn Lộc Động, nguồn An Tượng, nguồn Hà Thanh đặt chức tẩn thủ đều 1 người¹⁵...

Nguồn đặt dưới quyền quản lý trực tiếp của cấp huyện, nguồn Trà Vân, Trà Bình, Ô Kim

do huyện Bồng Sơn quản lý, nguồn Thạch Bàn do huyện Phù Cát (trước 1832 là huyện Phù Ly), nguồn Phương Kiệu, Lộc Động, An Tượng do huyện Tuy Viễn, nguồn Hà Thanh do huyện Tuy Phước (Tuy Viễn) quản lý. Khi có những công việc cần kíp liên quan đến thuế khóa hay các cuộc đấu tranh của đồng bào Thượng, thì thủ ngự có thể liên hệ trực tiếp với người đứng đầu trấn (đinh, tỉnh). Theo sử cũ, dưới nguồn ở Bình Định là các sách người Thượng, đứng đầu sách là tù trưởng⁹ (cũng gọi là mán mục,¹⁶ sách trưởng¹⁷). Ngoài ra tùy vào từng thời kỳ, một số nguồn được chia thành các khu vực, mỗi khu vực gồm một số sách nhất định, đứng đầu mỗi khu là đầu mục người Thượng. Đơn cử như đầu mục người Thượng tên là Kiêm ở nguồn Phương Kiệu, giữa thế kỷ XIX ông có quyền lực rất lớn ở khu vực Tây Sơn Thượng Đạo, được triều Nguyễn ban cho một chứng thư, qua đó nhìn nhận ông là lãnh tụ của tất cả người bản xứ.¹⁸ Do sự chi phối của Pháp, cuối thế kỷ XIX, các nguồn Trà Vân, Trà Bình, Ô Kim được chia làm 3 cấp: Tổng nguồn (hay nguồn), đứng đầu là chánh tổng và phó chánh tổng, thay thế cho thủ ngự và thừa biện thời kỳ trước; tổng nguồn được chia làm 2 hoặc 3 khu (thượng, trung, hạ), đứng đầu mỗi khu là các đầu mục người Thượng, mỗi khu lại có nhiều sách, đứng đầu là các sách trưởng.¹⁹

Như vậy nguồn ở Bình Định là đơn vị quản lý các sách về mọi mặt thông qua người đứng đầu sách. Thực hiện chức năng hành chính, nguồn trực tiếp thực thi các chính sách của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số như thuế khóa, khai thác sản vật; chính sách giáo hóa, phủ dụ an dân; chính sách kiểm soát người đi lại đảm bảo an ninh vùng núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách khai hoang lập làng... Nửa sau thế kỷ XIX, các nguồn ở Bình Định quản lý 146 sách người Thượng. Nguồn Trà Vân 9 sách, nguồn Ô Kim 11 sách, nguồn Thạch Bàn 6 sách, nguồn Hà Thanh 12 sách, nguồn An Tượng 13 sách, nguồn Lộc Động 15 sách, nguồn Phương Kiệu 80 sách.⁶ Theo đó nguồn Trà Vân, Trà Bình, Ô Kim quản lý người H’rê cư trú ở huyện Bồng Sơn, nguồn Thạch Bàn quản lý người

Ba-na cư trú ở huyện Phù Ly (sau là Phù Cát và Phù Mỹ) và huyện Tuy Viễn, nguồn Hà Thanh, An Tượng, Lộc Động quản lý người Chăm Hroi ở huyện Tuy Phước (trước 1832 là Tuy Viễn), riêng nguồn An Tượng, Lộc Động còn quản lý người Ba-na ở huyện Tuy Viễn, nguồn Phương Kiệu quản lý người Ba-na ở huyện Tuy Viễn. Đến thế kỷ XIX, sự quản lý đồng bào dân tộc thiểu số vùng núi Bình Định vẫn chưa chặt chẽ, biểu hiện rõ nhất là chính quyền chưa nắm được số đinh để đánh thuế đinh và thực hiện chế độ lao dịch, binh dịch.

So với các nguồn ở các địa phương khác, nguồn ở Bình Định quản lý nhiều sách nhất, thống kê của tác giả từ sách “*Phủ biên tạp lục*”, “*Đại Nam thực lục*”, “*Đại Nam nhất thống chí*”, “*Đồng Khánh địa dư chí*”, Bình Định có 146 sách, trong khi đó Phú Yên có 49 sách, Khánh Hòa 63 sách, ở các tỉnh còn lại sử cũ chỉ cho biết số sách của một số nguồn, tỉnh Quảng Bình nguồn Kim Linh và Sa Cơ 7 sách, phủ Thừa Thiên nguồn Sơn Bồ 17 sách, nguồn Cam Lộ 7 sách, Quảng Nam nguồn Chiên Đàn 11 sách... Sử dĩ Bình Định có nhiều sách như vậy xuất phát từ đặc điểm địa hình, địa bàn cư trú, thành phần số lượng đồng bào dân tộc thiểu số ở đây. Chính điểm này góp phần nói lên vai trò của chính quyền Bình Định, những khó khăn và tầm quan trọng của công tác quản lý vùng người Thượng ở miền núi Bình Định thế kỷ XIX.

Để quản lý hàng hóa và thu thuế, tại các nguồn ở Bình Định vương triều Nguyễn lập ra các sở tuần ty. Hoạt động của nó thể hiện chức năng hành chính của nguồn. Sử cũ không cho biết số lượng các sở tuần ty ở Bình Định thời chúa Nguyễn, nhưng ít nhất mỗi nguồn có 1 sở, trong đó sở tuần ty Vân Đồn được sử cũ nói tới gắn liền với hoạt động của Nguyễn Nhạc.⁸ Giữa thế kỷ XIX, Bình Định có 19 sở tuần ty và 1 trại Diệp (còn gọi là trại Hám Lâm Diệp hay trại Lá Trám, thuộc nguồn Hà Thanh. Không rõ trại này khác với sở tuần ty như thế nào), nguồn Lộc Động có sở Mậu Lâm, Thanh Tuyền (Thanh Nguyên); nguồn Hà Thanh có sở Lưu Thanh; nguồn An Tượng có 1 sở; nguồn Thạch Bàn có 3

sở: Thạch Bàn, Hà Vy, Quy Hóa; nguồn Ô Kim 1 sở; nguồn Trà Vân có 1 sở, nguồn Trà Bình có 3 sở: Trường Tân (Đồng Duệ), Chính Tân (Chính Thuế), Chí Đốc, nhiều nhất là nguồn Phương Kiệu với 7 sở: Trà Đình, Xuân Vi, Tam Giang, Hương Thủy, Trúc Lâm, Vụ Bản, Đài Tiền.¹⁰

Ngạch thuế chủ yếu ở các nguồn ở Bình Định là thuế tiền và thuế hiện vật, số thuế này do nhà nước quy định dựa trên sự đánh giá mức độ trao đổi hàng hóa của từng nguồn, số người đi buôn, nguồn có những sản vật gì, số lượng nhiều hay ít. Vì thế mà mức thuế của các nguồn ở Bình Định không giống nhau. Sau khi định rõ mức thuế, nhà nước giao cho quan phụ trách thu thuế hoặc cho cá nhân lĩnh trưng. Thời các chúa Nguyễn, cho quan lại trông coi chủ yếu theo hình thức ban cấp làm ngụ lộc và nộp thuế cho nhà nước. Ví như Trương Phúc Loan nắm quyền thu thuế 5 nguồn thuế lớn ở Đàng Trong, trong đó có nguồn Trà Bình, Trà Vân: “Loan sai người riêng trưng thu, hằng năm được số vàng vô số mà nộp thuế cho nhà nước chỉ 1 - 2 phần 10”, hoặc nguồn Ô Kim cấp cho Chương cơ Noãn, nguồn Phương Kiệu cấp cho Chương cơ Khoan, nguồn Thạch Bàn cấp cho Chương cơ đạo Lưu Đồn là Trường Lộc Hầu làm ngụ lộc.⁴ Kế thừa chính sách đó, triều Nguyễn tiếp tục cắt cử quan lại trông coi và thu thuế, hình thức này chủ yếu thực hiện dưới triều vua Gia Long (1802 - 1819) nhưng không phổ biến. Hình thức thu thuế chủ yếu ở các nguồn Bình Định thế kỷ XIX là cho cá nhân lĩnh trưng. Năm 1808, cho đầu giá trại Diệp (thuộc nguồn Hà Thanh). Năm 1817, quy định số tiền đầu thầu thuế các nguồn Ô Kim, Thạch Bàn (Quy Hóa). Năm 1820, Trần thần Bình Định tâu: “Các sở đầm nguồn Trà Đình, Thạch Bàn, Kiêu Bông, Hà Náo, Ô Kiêm, Đồng Trí thuộc hạt ấy ít người muốn trưng, xin giảm giá để tiện cho dân”. Vua Minh Mệnh y cho và lệnh “từ nay về sau ai muốn trưng thì cho trưng, ai không muốn thì chớ bắt ép”.⁹ Do vậy, ở thế kỷ XIX, trường giao dịch, sở tuần ty ở nguồn chịu sự chi phối khá lớn của những người lĩnh trưng.

Đối với thuế tiền, viên quan phụ trách hoặc người lĩnh trưng đánh vào các hộ đi buôn

người Thượng, người Kinh, người Hoa theo năm hoặc đánh thuế các loại hàng hóa mang tới trao đổi. Đối với thuế hiện vật, thông thường quan lại, người lĩnh trưng đánh theo số phần trăm các sản vật ở các nguồn mà nhà nước quy định phải nộp, được các thương nhân đi thu mua, mang xuống trao đổi. Ví như năm 1812, vua Gia Long quy định hàng hóa qua lại sở tuần cứ 40 phần thu 1 phần thuế.¹⁰ Số tiền thuế mà các nguồn của Bình Định nộp cho chính quyền triều Nguyễn khá lớn. Tổng số tiền thuế mà các nguồn của Bình Định nộp năm 1821 là 6.877 quan, năm 1825 còn 4.306 quan, năm 1838 là 4.661 quan, năm 1840 là 4.987 quan¹⁰...

Vào những năm khó thu mua hàng hóa hoặc người Thượng gặp khó khăn, triều Nguyễn thực hiện chính sách miễn giảm thuế. Miễn giảm thuế được thực hiện thường xuyên, điều này được phản ánh khá rõ trong “*Đại Nam thực lục*” và “*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*”, có thể lược kê một số năm điển hình sau: Năm 1810 giảm thuế nguồn Phương Kiệu từ 654 quan xuống 400 quan do người Thượng xiêu tán; năm 1820 giảm thuế 500 quan, thực thu 500 quan cho nguồn Ô Kim; năm 1821, giảm cho nhiều sở ở các nguồn với số tiền 1800 quan; năm 1822, giảm 550 quan thuế nguồn Lộc Động, Ô Kim, Trà Bình; năm 1848, giảm thuế cho các sở ở nguồn hơn 371 quan; năm 1864, giảm thuế cho nguồn Hà Thanh từ 170 quan xuống 100 quan, cùng năm đó miễn tiền thuế 160 quan cho người Thượng đi buôn ở nguồn Trà Vân, vì họ xiêu tán, mới chiêu dụ về được 3 người; năm 1879 tha thuế cho nguồn Trà Vân vì người Thượng di tản...

Thuế hiện vật cũng phong phú về chủng loại, trong đó mật ong, sáp ong là loại thuế phổ biến. Triều Nguyễn quy định thuế sáp ong như sau: mỗi năm nguồn Phương Kiệu 340 cân, nguồn Thạch Bàn 56 cân, nguồn Trà Bình 18 cân, sở Trường Tân (thuộc nguồn Trà Bình) 13 cân, nguồn Trà Vân 13 cân.⁵ Ngà voi, sừng tê giác, trầm hương cũng là loại thuế quan trọng, từ năm 1873 trở đi, triều Nguyễn quy định mỗi năm Bình Định phải nộp 2 đôi ngà voi, 2 chiếc sừng tê¹⁶... Ngoài ra tùy từng nguồn mà phải nộp

các loại thuế sản vật khác nhau. Ví như nguồn Trà Bình nộp gỗ phong đăng, nguồn Ô Kim nộp vàng, nguồn An Trượng nộp quả trà viên...

Nguồn ở Bình Định là cơ quan trực tiếp thực hiện chính sách giáo hóa, phủ dụ an dân của nhà nước phong kiến với đồng bào dân tộc thiểu số. Triều Nguyễn chủ trương “lấy đức giáo hóa” đối với người Thượng, những người “quy thuận” triều đình thường được ban thưởng. Năm 1861, “Man Mục” tỉnh Bình Định là Đinh Thôn đem đến cống một thớt voi đực. “Vua thưởng cho áo vũ đoạn, quần nhiễu và ngân tiền Phi long hạng lớn hạng nhỏ mỗi thứ một đồng”.¹⁶ Để đối phó với phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số ở Bình Định, bên cạnh sử dụng lực lượng quân đội trấn áp, tiểu phạt, thì “phủ dụ an dân” cũng được chính quyền coi trọng. Ví như để xoa dịu hoạt động đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số ở nguồn Trà Vân và Trà Bình, năm 1829, trấn thần Bình Định tâu: “xin cho lượng đem rượu, thịt, mắm muối và áo quần đến trường giao dịch, gọi tù trưởng các sách Lèo núi ở các nguồn đến mà thiết đãi cấp cho, bảo cho họ biết đức ý của triều đình”,⁹ để họ giúp triều đình ổn định nhân tâm đồng bào. Quan viên thực hiện tốt chính sách “chiêu dụ”, “vỗ về” các sách người Thượng đều được trọng thưởng. Năm 1864, “Phó quản cơ tỉnh Bình Định là Lê Quang Huy chiêu dụ vỗ về dân ở sách Man, nhiều người theo về. Chuẩn thưởng cho Lê Quang Huy kỷ lục một thứ; 11 sách Man theo về, thưởng cấp cho muối, nước mắm, để cùng chiêu dụ dẫn nhau về”.¹⁶

Nguồn ở Bình Định cũng là cơ quan để quản lý hoạt động đi lại của người dân, đảm bảo an ninh vùng núi. Để thực hiện chính sách cấm đạo Thiên Chúa của triều Nguyễn, nguồn Phương Kiệu tăng cường kiểm soát, không cho các giáo sĩ lên Bắc Tây Nguyên truyền giáo. Hoạt động đi lại, cư trú của người Kinh và người Thượng cũng được kiểm soát chặt. P. Dourisboure một giáo sĩ thừa sai Pháp đến vùng Bắc Tây Nguyên vào năm 1851 đã chỉ rõ: Chính nơi đây vào cuối thế kỷ trước, đã là cái nôi cuộc nổi dậy của ba anh em Tây Sơn chống vua Gia Long. Từ thời kỳ đáng nhớ này, An Sơn (xưa là Tây Sơn) là mối e

ngại cho triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ. Vì vậy, nhiều điều luật nghiêm ngặt với những hình phạt khắt khe được đặt ra cho người An Nam định cư trên đất người Mọi cũng như cho những người dân tộc nào vượt qua lãnh thổ An Sơn để vào đất An Nam¹⁸...

- Xây dựng và thực hiện chức năng kinh tế của nguồn:

Hoạt động của trường giao dịch chính là sự thể hiện chức năng kinh tế của nguồn.¹ Tại các nguồn ở Bình Định chính quyền phong kiến còn lập các trường giao dịch, ngoài nhiệm vụ quản lý hoạt động trao đổi hàng hóa, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán giữa hai miền ngược xuôi, trường giao dịch còn là nơi “giao thiệp” giữa chính quyền với đồng bào Thượng. Sử cũ không cho biết số lượng cụ thể của trường giao dịch ở Bình Định thời kỳ này, song có thể khẳng định ít nhất mỗi nguồn đều có 1 trường giao dịch. Căn cứ vào sử liệu triều Nguyễn, năm 1829 trường giao dịch ở hai nguồn Trà Vân và Trà Bình có vai trò quan trọng đối với chính quyền nhà Nguyễn trong quan hệ với người Thượng.⁹ Theo “Đại Nam nhất thống chí”, nguồn Thạch Bàn có trường giao dịch ở Hà Vĩ; nguồn Phương Kiệu, có trường giao dịch ở phía bắc Núi Trụ Lĩnh;⁵ tại nguồn An Tượng triều Nguyễn cho đặt “mậu dịch thị trường hiểu dụ cho dân Man đến mua bán”⁷...

Trường giao dịch là nơi thương nhân trao đổi hàng hóa. Lực lượng thương nhân tham gia vào hoạt động buôn bán ở các nguồn của Bình Định bao gồm thương nhân người Kinh, người Hoa và người Thượng. Điều đáng nói, qua sử cũ cho thấy trong hoạt động buôn bán ở nguồn, thương nhân người Thượng giữ vị trí rất quan trọng. Nhiều lần chính quyền giảm thuế nguồn bởi thương nhân người Thượng di tản, hoặc gặp khó khăn trong thu mua hàng hóa. Đầu mục người Bahnar tên là Kiêm ở nguồn Phương Kiệu vừa là “thủ lãnh” vừa là nhà buôn lớn ở vào thập niên 40 - 50 của thế kỷ XIX: ông ta rất thạo tiếng Kinh và thường xuyên buôn bán với người Kinh, nên họ đặt ông làm trọng tài khi xảy ra tranh chấp.¹⁸ Thương nhân người Kinh, người Hoa

ngoài bộ phận cư dân sở tại, thì còn có một bộ phận đông đảo ở các thị tứ, thương cảng ở vùng trung du và đồng bằng lên buôn bán. Để thuận lợi cho việc thu thuế nguồn và quản lý thương nhân, các thương nhân phải được chính quyền phong kiến cấp giấy phép (hay môn bài). Năm 1848, giáo sĩ Thiên Chúa giáo là Sáu Do theo đường nguồn Phương Kiệu tìm lên Bắc Tây Nguyên truyền bá Thiên Chúa giáo. Lúc đầu “dự định giả trang làm lái buôn, nhưng Thầy Do đã không nghĩ rằng muốn buôn bán nơi miền dân tộc cần phải có môn bài mà chính quyền vẫn bán đấu giá định kỳ hàng năm”; trong chuyến đi năm 1849, Sáu Do đã mua được một giấy phép buôn bán tại làng dân tộc ở gần các làng của người An Nam trên đường đi tới xứ Ba-na.¹⁸ Hoạt động lực lượng thương nhân này đã tạo ra mối quan hệ giao thương ngược xuôi, sự kết nối giao thương giữa miền núi và đồng bằng Bình Định được phản ánh qua câu ca dao của cư dân Bình Định lúc bấy giờ.

“Ai về nhắn với nậu Nguồn

Nắm măng gửi xuống, cá chuồn gửi lên”.

Thương phẩm các nguồn ở Bình Định bao gồm 2 nguồn hàng. Nguồn sản phẩm nông nghiệp, thủ công nghiệp, ngư nghiệp ở vùng trung du, đồng bằng như: muối, nước mắm, cá khô, hải sản khô, công cụ sản xuất, nôi đồng, chiêng, cồng, ghè đựng rượu, vải... Nguồn lâm thổ sản ở vùng núi và sản phẩm thủ công của người Thượng. Căn cứ vào sử liệu triều Nguyễn, cho thấy các thương phẩm vùng núi đặc trưng của các nguồn ở Bình Định gồm: mật ong, sáp ong, gỗ kiền kiền, ngà voi, sừng nai, trầm hương, kỳ nam hương, sừng tê giác, trầu cau, sa nhân, thông đại hải (quả ươi), bông, kỳ hoa, mây trắng, tóc hương, song, dầu vừng, măng trúc (măng le), củ nâu, trà viên, dầu rái, phong đăng (đuốc gió), chim công, trâu, ngựa, nhựa trám, đèn nhựa trám, thuốc lá, chiếu mây, dầu vừng, vàng...

- Xây dựng và thực hiện chức năng quân sự của nguồn:

Tại các nguồn của Bình Định triều Nguyễn còn lập ra các đồn binh (còn gọi là sở, bảo). Thủ

sở là đồn binh quan trọng nhất của nguồn, các sở tuần ty cũng thường là các đồn binh, tùy vào từng nguồn mà số đồn binh có thể nhiều hay ít. Nửa sau thế kỷ XVIII, nguồn Cầu Bông là nơi bùng nổ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, cuộc khởi nghĩa này đã thu hút sự tham gia, ủng hộ của đông đảo đồng bào Thượng ở vùng núi phủ Quy Nhơn; phủ Quy Nhơn còn là kinh đô của chính quyền Trung ương hoàng đế Nguyễn Nhạc, nơi diễn ra nhiều trận chiến ác liệt giữa quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Đầu thế kỷ XIX, sau khi lật đổ vương triều Tây Sơn, vua Gia Long đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ trật tự, an ninh vùng núi Bình Định, chú trọng xây dựng các đồn binh, vì thế số đồn binh ở các nguồn ở Bình Định ngày càng nhiều. Theo ghi chép của Lê Quang Định, đầu thế kỷ XIX số đồn ở nguồn của Bình Định là 14 đồn, trong đó nguồn Trà Bình và Ô Kim đều 3 đồn, nguồn Trà Đình, Phương Kiệu đều 2 đồn, nguồn Đá Bàn, Hà Thanh, An Tượng, Lộc Động mỗi nguồn 1 đồn.⁴ Từ năm 1827 để đối phó với phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số, số đồn tăng lên gấp nhiều lần, chỉ tính riêng 2 nguồn Trà Vân và Trà Bình kết hợp với trường lũy (tĩnh man trường lũy), đã có tới 32 đồn, ngoài ra các đồn ở nguồn Hà Thanh, An Tượng, Lộc Động, Đá Bàn đều tăng lên 2 đồn, nguồn Phương Kiệu 3 đồn.⁹ Như vậy đến thời điểm này, nếu tính cả 3 đồn thuộc nguồn Ô Kim, số đồn ở các nguồn ở Bình Định là 46 đồn. Nửa sau thế kỷ XIX, tùy thuộc vào từng nguồn mà số đồn có sự tăng giảm, riêng các nguồn Trà Vân, Trà Bình, Phương Kiệu không ngừng được củng cố và tăng cường cho đến cuối thế kỷ XIX, ví như nửa sau thế kỷ XIX, nguồn Phương Kiệu có 8 đồn.⁵

Lực lượng đóng giữ ở các đồn binh đặt dưới sự quản lý trực tiếp của nguồn, bao gồm hai bộ phận cơ bản, lực lượng quân chính quy và lực lượng dân binh lấy từ các xã thôn người Kinh sở tại. Các nguồn ở khu vực Nam Bình Định, do số lượng đồn không nhiều, vì vậy, lực lượng được huy động chốt giữ chủ yếu là quân chính quy. Ví như, năm 1829, lực lượng trấn binh đóng giữ ở nguồn Phương Kiệu hơn 50 người. Lời tâu của

trấn Bình Định chỉ rõ: Năm trước trích phái 5 đội trấn binh theo viên nguyên thủ đề phòng ngự “Man Lèo”ⁱ và trông giữ bọn tù đầy ở Phương Kiệu... Nay 5 đội trấn binh đóng giữ đã lâu, xin cứ cơ Bình Định thuộc trấn binh 1 đến 10 và trấn binh từ đội 1 đến đội 4, tất cả 14 đội, lượng phái 1 cai đội và 50 biên binh đi đóng thú, mỗi tháng thay 1 lần, mà triệt binh 5 đội về.⁹

Trái lại ở khu vực Bắc Bình Định, nửa đầu thế kỷ XIX, do số đồn nhiều, vì vậy số lượng dân binh được huy động thường đông hơn so với quân chính quy, thậm chí một số đồn chỉ có lực lượng dân binh chốt giữ. Năm 1827, 2 nguồn Trà Vân và Trà Bình kết hợp với trường lũy có 32 đồn, số lính thuộc lệ là 67 người, dân binh ở 33 ấp phụ cận là 709 người.⁹ Năm 1832, đặt thêm đồn Ly Khê tuyển 49 dân binh ấp Vĩnh Đức chia ban thay đổi canh giữ. Năm 1833, đặt đồn Hợp Khâu, điều dân ấp Vạn Đức và Đông Thắng trông coi.¹⁴ Nửa sau thế kỷ XIX, trước yêu cầu củng cố trường lũy, chính quyền huy động tối đa lực lượng quân chính quy để bảo vệ nguồn, bảo vệ trường lũy. Theo lời tâu của Tổng đốc Bình Phú là Phạm Ý, vào năm 1876, từ nguồn Trà Vân, Trà Bình đến nguồn Ô Kim chính quyền huy động Quân thứ Bình Định với số lượng hơn 1.000 người: “phái lãnh binh, phó lãnh binh, bang biện mỗi chức 1 người để có người cùng làm việc; biên binh thì trích 2 vệ, cơ: trung, hữu và 1 đội pháo thủ thuộc Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Viễn, lính tinh hiện số 983 tên hợp với cơ sơn phòng 500 tên, lệ thuộc theo ngạch quân thứ, để đủ chia giữ”.²⁰ Theo Mission Henri Maitre lực lượng ở “sơn phòng” (tức trường lũy) Bình Định lúc này hơn 1.000 lính chính quy gồm “2 tướng, 6 sĩ quan cao cấp, 42 sĩ quan thuộc cấp, 252 hạ sĩ quan và cai, 945 binh sĩ”.¹⁹

Dễ nhận thấy, so với thời kỳ chúa Nguyễn, công tác bảo vệ an ninh vùng núi ở các nguồn ở Bình Định được triều Nguyễn chú trọng hơn, đây cũng là điều dễ hiểu bởi không chỉ trước đó nguồn Phương Kiệu là căn cứ, đất phát tích

ⁱ Man Lèo: tức đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng núi Bình Định theo cách gọi của sử gia triều Nguyễn.

của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, mà từ khi triều Nguyễn được thành lập, đồng bào dân tộc H'rê ở các nguồn Trà Vân, Trà Bình thường xuyên nổi dậy đấu tranh.

Như vậy, nguồn ở Bình Định có thể chia thành 2 khu vực với những đặc trưng khác biệt, nguồn ở Bắc Bình Định giống với tỉnh Quảng Ngãi, nguồn gắn với trường lũy, vì vậy hệ thống đồn binh nhiều, lực lượng binh lính đông đảo, trong khi các nguồn ở Nam Bình Định lại mang những đặc trưng thông thường như các địa phương còn lại. Mặc dù đều gắn liền với trường lũy, thể nhưng cách thức tổ chức, quản lý các nguồn giữa Quảng Ngãi và Bắc Bình Định cũng không giống nhau, ngay cả khi sơn phòng Quảng Ngãi và Bình Định được hợp nhất. Chính sự đan xen này làm cho nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX mang những nét đặc sắc riêng và làm cho chức năng hành chính, quân sự của nguồn ở Bình Định càng thêm đậm nét.

Nhìn tổng thể, vương triều phong kiến đã lãnh đạo lực lượng quân đội ở các nguồn Bình Định thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ tuyến núi, bảo vệ thủ sở các nguồn, sở tuần ty, trường giao dịch, hoạt động trao đổi buôn bán, đảm bảo an ninh cho các xã, thôn người Kinh ở vùng núi; đồng thời đảm bảo an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, sẵn sàng đối phó các cuộc nổi dậy của người Thượng. Ngoại trừ những cuộc đấu tranh của đồng bào H'rê nguồn Trà Vân, Trà Bình gây ra những khó khăn nhất định cho chính quyền triều Nguyễn. Phong trào đấu tranh của đồng bào H'rê tuy không diễn ra liên tục nhưng rải đều ở thế kỷ XIX, thực tế một số viên thủ ngự bị mất chức vì đã không thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Năm 1825, người Thượng ở nguồn Trà Vân (Bình Định) cướp bóc ấp Hội Lương giết hại người dân. Vua Minh Mạng cho cất chức nguyên thủ là Phan Văn Bài.⁹ Năm 1834, đồng bào H'rê ở nguồn Trà Vân lại nổi dậy, đánh phá quan quân triều đình, cướp của rồi rút vào rừng. Minh Mệnh liền “cất chức viên Thủ ngự ở đây, quan tỉnh bị giáng một cấp”²¹... Thông qua các biện pháp chiêu dụ, giáo hóa và trừng phạt, công cuộc bình ổn của triều Nguyễn đối với đồng bào

dân tộc H'rê ở miền núi Bình Định đến những năm 70 của thế kỷ XIX mới đạt được những kết quả đáng kể, thu phục được đa phần các sách người Thượng và duy trì sự ổn định cho đến trước khi phong trào Cần Vương bùng nổ.

3. KẾT LUẬN

Nguồn ở Bình Định là một “đơn vị hành chính đặc biệt” đảm nhiệm nhiều chức năng khác nhau: hành chính, kinh tế, quân sự. Điều này góp phần khẳng định chức năng của nguồn ở Việt Nam thời Trung đại. Do vậy cần nhìn nhận nguồn là một đơn vị hành chính trong hệ thống cơ quan hành chính địa phương ở tỉnh Bình Định cũng như các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hòa thời Nguyễn.

Bên cạnh đó, nguồn ở Bình Định còn mang những nét đặc trưng điển hình như điển hình về số lượng, quy mô và phạm vi quản lý, về thực thi chức năng kinh tế, chức năng quân sự. Nếu như ở Bắc Bình Định có sự kết hợp và đan xen giữa nguồn và trường lũy làm cho chức năng quân sự ở đây khá đậm nét, thì ở Nam Bình Định nguồn Phương Kiệu thể hiện rõ hơn chức năng kinh tế. Nhờ thuận lợi về giao thông, sự phát triển của kinh tế thương nghiệp ở vùng đồng bằng, nguồn sản vật nhiều và nhu cầu to lớn của vùng đồng bào Thượng, đã góp phần quan trọng đưa nguồn Phương Kiệu (mà trung tâm là thôn An Khê) trở thành trung tâm thương mại của vùng núi Bình Định và khu vực Bắc Tây Nguyên, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thương mại khu vực và Việt Nam thế kỷ XIX. Thông qua hoạt động giao dịch, buôn bán, nguồn Phương Kiệu thể hiện là một trong những điển hình về chức năng kinh tế của nguồn, góp phần khẳng định tầm quan trọng chức năng kinh tế của nguồn ở vùng núi miền Trung thế kỷ XIX.

Mặc dù có những hạn chế nhất định, song nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX đã phát huy tốt vai trò của mình, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an ninh vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Bình Định, đáp ứng nhu cầu hàng hóa của người Thượng ở vùng núi và người Kinh ở đồng bằng, cũng như của nhà nước, góp

phần thúc đẩy kinh tế phát triển, mang lại nguồn thu thuế đáng kể cho chính quyền phong kiến. Thông qua nguồn, nhà nước bước đầu can thiệp, quản lý, “vớ tay” tới các sách người Thượng ở Bình Định, điều này có nghĩa quan trọng trong việc tăng cường và củng cố chính quyền, củng cố nền thống nhất đất nước, xây dựng đoàn kết Kinh - Thượng, bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc.

Nội dung trên đây chỉ là nhận thức bước đầu về nguồn ở Bình Định thế kỷ XIX, hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề về nguồn ở Bình Định chưa được làm sáng tỏ. Đơn cử như sở tuần ty và trường giao dịch có mối quan hệ như thế nào, cơ chế hoạt động và vận hành giữa chúng ra sao? Hoặc trại Diệp là gì mà vẫn phải đóng thuế? Có gì giống và khác so với sở tuần ty? Đó là vấn đề cần tiếp tục quan tâm nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Thành. Nguồn ở Việt Nam thế kỷ XVI - XIX, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, **2019**, 8(520), 35-45.
2. A. Hardy. “Nguồn” trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong, Kỷ yếu hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và Vương Triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008.
3. Đỗ Bang. *Hệ thống phòng thủ miền Trung dưới triều Nguyễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2020.
4. Lê Quang Định. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí, bản Tự Đức, tập 3*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
6. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin dịch, *Đồng Khánh địa dư chí*, Viện nghiên cứu Hán nôm, Hà Nội, 2003.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí: tỉnh Bình Định*, bản Duy Tân, Bộ Quốc gia giáo dục, Sài Gòn, 1963.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 2*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
10. Nội các triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 3*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
11. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí, bản Tự Đức, tập 1, tập 2, tập 4, tập 5*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
13. Nguyễn Công Thành. Hoạt động thương mại của thương nhân người Hoa ở đô thị Quy Nhơn (tỉnh Bình Định) thế kỷ XIX, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, **2011**, 1(114), 64-71.
14. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
15. Nội các triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 5*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
16. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 7*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục chính biên Đề lục kỷ phụ biên*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2012.
18. P. Dourisboure. *Dân làng Hồ*, Nxb Đà Nẵng, 2014.
19. Mission Henri Maitre. *Rừng Người Thượng*, Nxb Tri Thức, Hà Nội, 2007.
20. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 8*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.
21. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục, tập 4*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007.